CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
DN: OU=CTY CP CÀ PHÊ THUẬN AN, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN, E=congtycaphethuanan.tan@gmail.com
Reason: I agree to specified parts of this document
Location: Tôi đồng ý
Date: 2024.04.08 15:18:02+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-**BTC ngày 16 tháng 11** năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng k**hoán)***
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Tên Công ty/*Name of Company*
Năm báo cáo/Year: 2023

I. Thông tin chung/*General information*

1. *Thông tin khái quát/General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/***Certificate of business registration No: 6000173846***

- Vốn điều lệ/ ***Charter capital***: 16.136.900.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capita**l:***

- Địa chỉ/***Address***: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Số điện thoại/***Telephone***: 02613 747053

- Số fax/***Fax***:.....

- ***Website***: caphethuanan.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/***Securities code (if any)***: TAN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

* Quá trình hình thành và phát triển/ ***Foundation and development process*** (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ ***Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now)***. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An.

Kết quả của phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An ngày 26/4/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chi tiết kết quả bán cổ phần thông qua đấu giá như sau:

+ Số lượng nhà đầu tư trúng đấu giá: 04 nhà đầu tư;
+ Giá bán cổ phần bình quân: 57.450,9 đồng/cổ phần;
+ Tổng số cổ phần trúng đấu giá: 1.343.505 cổ phần;
+ Tổng số cổ phần đã bán được: 1.343.505 cổ phần, chiếm 83,26% vốn điều lệ;

(Tổng số tiền thu được qua đấu giá: 77.185.610.505 đồng)

- Cổ phần bán cho CBCNV: 189.500 cổ phần, chiếm 11,74% vốn điều lệ;
- Cổ phần nhà nước nắm giữ: 80.685 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ.
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 6000173846. Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 25 tháng 07 năm 2019 được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An (DNNN), ngày 25/7/2019. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/8/2021.

* Về đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom:

- Giấy Chứng nhận số 09/CPH/2019/GCNCP-VSD ngày 27/5 2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chứng nhận đăng ký cổ phiếu trúng đấu giá đã thanh toán;
- Công văn số 4638/VSD-ĐK ngày 27/5/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; V/v tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài;

Công văn số 4639/VSD-ĐK ngày 27/5/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; V/v đăng ký, lưu ký cổ phiếu trúng đấu giá;

- Quyết định số 334/QĐ-SGDHN ngày 03/6/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phần của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An;
- Thông báo số 598/TB-SGDHN ngày 03/6/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phần đăng ký giao dịch của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An. Cụ thể:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần cà phê Thuận An
+ Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông;
+ Mã chứng khoán: TAN;
+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
+ Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.343.505 cổ phần;
+ Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 13.435.050.000 đồng;
+ Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ Hai, ngày 10/6/2019;
+ Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 57.500 đồng/cổ phần.

- Công văn số 5517/UBCK-GSĐC ngày 12/9/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; V/v đăng ký công ty đại chúng.
- Công văn số 9220/VSD-ĐK ngày 07/10/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam V/v hồ sơ đăng ký lại thông tin sau khi chuyển thành công ty cổ phần - TAN.
- Thông báo số 446/TB – SGDHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Sở GDCK Hà Nội ; V/v ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu thay đổi đăng ký giao dịch của Công ty cổ phần cà phê Thuận An. Cụ thể:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần cà phê Thuận An
+ Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông;
+ Mã chứng khoán: TAN;
+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
+ Hình thức phát hành: Cổ phần nhà nước nắm giữ, cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá.

+ Số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung: 270.185 cổ phiếu (Hai trăm bảy mươi nghìn một trăm tám mươi lăm cổ phiếu);

+ Tổng số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch: 1.613.690 cổ phiếu (Một triệu, sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi cổ phiếu)

+ Ngày giao dịch chính thức: Thứ 2, ngày 01/6/2021.

* Các sự kiện khác/***Other events:***

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/***Lines of the business***: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ ***Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).***

TT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng cà phê	0126
2	Sản xuất và chế biến cà phê	1077
3	Trồng ngô và cây lượng thực có hạt khác	0112
4	Trồng cây ăn quả	0121

- Địa bàn kinh doanh/***Location of business***: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ ***Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years)***.

Xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/* ***Information about governance model, business organization and managerial apparatus***

- Mô hình quản trị/ ***Governance model.***

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ ***Managementstructure.***

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

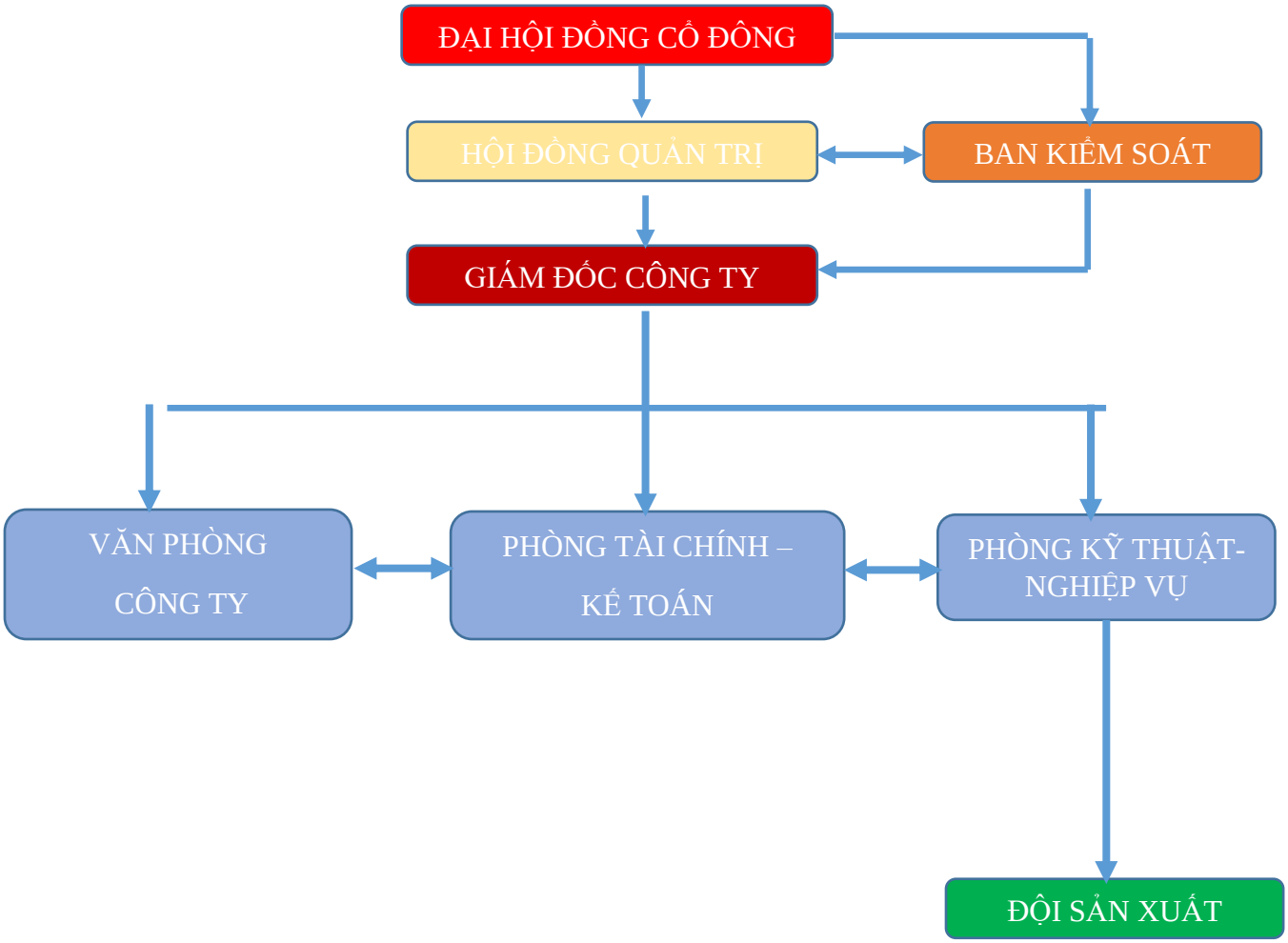

- Các công ty con, công ty liên kết/ ***Subsidiaries, associated companies***: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ ***(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)***.

Chưa có Công ty con, Công ty liên kết

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ ***Main objectives of the Company..***

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là triển khai phương án SXKD theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt nhằm sử dụng ổn định diện tích, lao động trong giai đoạn chuyển đổi. Năm 2023 Công ty đã triển khai xuống giống trồng mới cà phê: 43,84ha; trong đó: 24,8ha trồng cà phê đa thân (cà phê không hãm ngọn) áp dụng khoa học kỹ thuật (tưới, bón phân qua hệ thống nhỏ giọt), 19,04ha trồng cà phê truyền thống. Tổng diện tích cà phê năm 2023 là: 106,5ha. Diện tích chưa trồng cà phê vẫn thực hiện trồng một số cây ngắn ngày: bắp giống, sachi, đậu phụng,…

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ ***Development strategies in medium and long term.***

Công ty đang thực hiện tái canh cây cà phê trên diện tích đất đã thanh lý và đã cải tạo đất : Năm 2024 tiếp tục thực hiện xuống giống 29ha cà phê đa thân, (Trồng cà phê không hãm ngọn), áp dụng khoa học kỹ thuật (tưới, bón phân qua hệ thống nhỏ giọt), 10ha cà phê truyền thống, xây dựng mô hình cung cấp vùng nguyên liệu sạch phục vụ cho việc chế biến sâu; trồng cây ăn quả theo định hướng sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/***Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.***

+ Hoàn thiện xây dựng quy hoạch phát triển nông sản xuất khẩu theo hướng bền vững và tương đối ổn định. Trên cơ sở đó, xác định quy hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước, quy hoạch phát triển công nghiệp, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng. Quy hoạch sản xuất gắn liền với quy hoạch công nghiệp chế biến, quy hoạch vùng Tây Nguyên.

+ Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững: Chú trọng các vấn đề: ổn định dân cư, xóa đói giảm nghèo và giải quyết công bằng xã hội, phát triển giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm, phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

+ Đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng năng suất và chất lượng nông sản: Nâng cao vốn đầu tư, tăng khả năng các kênh thu hút vốn mà trọng tâm là kênh tín dụng. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đẩy mạnh cơ khí hóa nông nghiệp, triển khai chương trình hóa học hóa, sinh học hóa trong phát triển nông sản xuất khẩu; nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động. Áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến.

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, gắn công nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu: Xây dựng công nghiệp chế biến dựa vào nguồn nguyên liệu Dự án, đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất, từng bước hình thành các cơ sở chế biến tập trung. Đầu tư thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại để sản phẩm có chất lượng cao, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư phát triển công nghiệp chế biến.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng: đường giao thông, thủy lợi. Phát triển thị trường, ổn định giá cả và thương hiệu, xuất xứ hàng hóa, sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, cải tiến phương thức xuất khẩu. Thúc đẩy liên kết kinh tế theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, coi trọng lợi ích của nông dân. Đa dạng hóa các loại hình liên kết như: liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với nông dân, liên kết Bốn nhà, liên kết sản xuất và tiêu thụ, liên kết các nhà xuất khẩu, ... Thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên nói chung và phát triển nông sản xuất khẩu của vùng nói riêng.

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nước trong sản xuất. Gắn việc tổ chức SXKD nông sản xuất khẩu với việc giữ gìn đa dạng hóa sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.

5. Các r*ủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về

môi trường)/ ***Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks)***.

+ Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào thời tiết, sự biến đổi khí hậu toàn cầu dẫn đến thời tiết khắc nghiệt, rất khó khăn trong quá trình chỉ đạo sản xuất.

+ Vấn nạn xả thải rác thải của người dân chưa được kiểm soát, ảnh hưởng môi trường xung quanh theo dọc các tuyến đường nội đồng của công ty.

+ Công ty ưu tiên sử dụng lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, tuy nhiên trình độ của lao động DTTS còn thấp, nhận thức, phương pháp làm việc còn yếu dẫn đến khó khăn trong việc điều động công việc của đơn vị,…

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business* ***operations***

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ ***Results of business operations in the year:*** Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./***Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..***

a/ Tình hình tài chính:

Tình hình thu – chi tài chính năm 2023 như sau:

Hạng mục nội dung	Đơn vị tính	Tổng thực hiện năm
Tổng dư đầu kỳ	Trđ	876
Tổng dòng tiền vào trong kỳ	Trđ	19.350
Tổng dòng tiền ra trong kỳ	Trđ	20.057
Tổng dư cuối kỳ	Trđ	169
Thu - chi chi tiết		
Dòng tiền vào	Trđ	**19.350**
Tiền thu từ bán hàng	Trđ	16.211
Thu từ đi vay	Trđ	2.010
Thu từ liên kết sản xuất	Trđ	310

Tiền thu khác	Trđ	819
Dòng tiền ra	Trđ	**20.057**
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Trđ	9.625
Tiền chi trả cho người lao động	Trđ	7.563
Tiền chi mua sắm TSCĐ	Trđ	131
Tiền chi nộp ngân sách NN	Trđ	455
Chi trả nợ vay	Trđ	201
Tiền chi khác (nộp BHXH, HĐTX)	Trđ	2.082

- Công ty sản xuất cà phê có tính chất đặc thù là chu kỳ sản xuất kinh doanh liên quan đến 02 niên độ tài chính: chăm sóc: từ tháng 01-10, bắt đầu thu hoạch từ cuối tháng 11-12, phơi sấy, bóc vỏ tháng 01 năm sau. Do đó, chi phí giá vốn cà phê là chủ yếu từ năm trước mang sang.

Chi phí đầu tư sản xuất: Thực hiện đầu tư sản xuất kinh doanh theo định mức đã được HĐQT phê duyệt; tìm hiểu thị trường chào giá cạnh tranh những mặt hàng đơn vị có nhu cầu và lựa chọn đơn vị cung cấp có giá ưu đãi nhất; chỉ đạo sản xuất sát sao, phân công cán bộ theo dõi, bám sát đồng ruộng quản lý chặt chẽ vật tư, phân bón khi đưa xuống vườn cây.

- Ban Giám đốc, phòng TC – KT công ty quản lý chi phí trên nguyên tắc minh bạch, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, chi tiêu những chi phí thật sự cần thiết cho hoạt động của đơn vị; kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nhu cầu yếu phẩm của các phòng ban; tìm hiểu thị trường chào giá cạnh tranh những mặt hàng đơn vị có nhu cầu.

- Công ty không có các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi tồn đọng. Đối với các khoản nợ phát sinh phòng TC – KT thực hiện mở sổ sách theo dõi, phản ánh kịp thời các khoản nợ phải thu và tình hình biến động các khoản nợ chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ; đôn đốc thu hồi nợ dứt điểm, kịp thời, đúng thời gian qui định.

b/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2023, giá cả cà phê nhân xô khởi sắc hơn năm liền kề trước đó nên về lĩnh vực tiêu thụ cà phê nhân xô mang lại lợi nhuận vượt hơn nhiều so với năm 2022. Tuy nhiên, việc sản xuất các cây màu ngắn ngày không đạt lợi nhuận như kế hoạch.

- Cụ thể Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 01/01/2023 đến 31/12/2023(Mẫu số: B02-DN):

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	**2**	**3**	**4**
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	17.872.069.794
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VII.2	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17.872.069.794
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	12.317.344.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.554.724.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	7.274.043
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	50.784.211
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	34.501.709
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	3.858.108.615
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26	30		1.618.604.412
11. Thu nhập khác	31	VII.6	475.863.560
12. Chi phí khác	32	VII.7	662.380.102
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(186.516.542)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.432.087.870
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	42.081.983
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.390.005.887
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		690
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		690

c/ Những tiến bộ đã đạt được:

- Cải cách về cơ cấu tổ chức: Thanh lọc dần nhân sự không đáp ứng được vị trí yêu cầu công việc, thay thế nhân sự phù hợp với từng vị trí, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Từng bước cơ giới hóa trong công tác sản xuất đặc biệt trong khâu bón phân, phun thuốc và tưới nước, giảm nhân công lao động trong việc sản xuất.

- Một số biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động: Thực hiện theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả. Về công tác quản lý chi phí đầu vào: thực hiện khảo sát giá cả thị trường công khai chọn nhà cung cấp ưu đãi nhất. Về công tác chỉ đạo sản xuất: luôn sát sao, bố trí cán bộ kiểm soát chặt chẽ không để thất thoát vạt tư, phân bón khi đưa xuống vườn cây và thu hoạch sản phẩm.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ ***Implementation situation/actual progress against the plan:*** So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./***Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.***

Số TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%) thực hiện năm 2023 so với	
						KH năm 2023	Cùng kỳ năm 2022
1	**Tổng Doanh thu**	Trđ	**20.114**	**18.358**	**14.893**	**0,91**	**1,23**
-	Cà phê Sản xuất niên vụ 2022 - 2023	Trđ	***3.199***	3.545	5.618	1,11	1,21
-	Cà phê Sản xuất niên vụ 2023 - 2024	Trđ		3.265			
-	Cà phê nhân xô mua ngoài	Trđ	***4.318***	1.683		0,39	
-	Kinh doanh phân bón	Trđ	***677***	108		0,16	
-	Sản phẩm cây ngắn ngày của Công ty	Trđ	***11.720***	8.964	9.063	0,76	0,99
-	LKSX cây dài ngày	Trđ	***200***	307		1,54	
-	Tài chính và DT khác	Trđ		486	212		2,29
2	**Giá vốn**	Trđ	**13.877**	**13.030**	**10.319**	**0,94**	**1,26**
-	Cà phê sx niên vụ 2022 -2023	Trđ	2.724	2.724	4.870	1,00	0,92
-	Cà phê Sản xuất niên vụ 2023 - 2024	Trđ		1.750			
-	Cà phê mua ngoài	Trđ	3.317	1.403		0,42	
-	Kinh doanh phân bón	Trđ	589	95		0,16	
-	Cây ngắn ngày	Trđ	7.197	6.282	5.243	0,87	1,20

-	LKSX cây dài ngày	Trđ	50	63		1,26	
-	Khác	Trđ		713	206		3,46
3	**LN gộp**	Trđ	**6.237**	**5.328**	**4.574**	**0,85**	**1,16**
-	Cà phê sx niên vụ 2022 -2023	Trđ	475	821	748	1,73	3,12
-	Cà phê Sản xuất niên vụ 2023 - 2024	Trđ	0	1.515			
-	Cà phê mua ngoài	Trđ	1.001	280	0	0,28	
-	Kinh doanh phân bón	Trđ	88	13	0	0,15	
-	Cây ngắn ngày	Trđ	4.523	2.682	3.820	0,59	0,70
-	LKSX cây dài ngày	Trđ	150	244	0	1,63	
-	Tài chính và Khác	Trđ	0	-227	6		
4	**Lợi nhuận trước thuế**	Trđ	**1.866**	**1.472**	**1.232**	**0,79**	**1,19**
-	Cà phê sx niên vụ 2022 -2023	Trđ	142	469	***-512***	3,30	0,92
-	Cà phê Sản xuất niên vụ 2023 - 2024	Trđ	0	415			
-	Cà phê mua ngoài	Trđ	141	200		1,42	
-	Kinh doanh phân bón	Trđ	20	-10		-0,50	
-	Cây ngắn ngày	Trđ	1.518	582	***1.786***	0,38	0,33
-	LKSX cây dài ngày	Trđ	45	146		3,24	
-	Tài chính và Khác	Trđ	0	-330	***-42***		7,86
5	**Nộp ngân sách**	Trđ	**2.000**	**455**	**2.000**	**0,23**	**0,23**

- Lợi nhuận từ sản xuất cà phê vượt kế hoạch 230% và tăng 192% so với năm 2022. Nguyên nhân: trong năm công ty thực hiện tốt công tác chăm sóc:cắt cành, tưới nước, bón phân, … đã mang lại năng suất sản lượng cà phê quả tươi tăng 18% so với năm 2022; giá cả cà phê tăng cao so với nhiều năm trước. Tuy nhiên, do thời tiết khô hạn, công tác chế biến còn thiếu kinh nghiệm nên việc kiểm soát độ ẩm cà phê chưa chuẩn để quá khô (cà 13độ) nên tỷ lệ thu hồi cà phê nhân xô chưa đạt theo kế hoạch.

- Trong năm lợi nhuận sản xuất các cây ngắn ngày chỉ đạt 59% kế hoạch đề ra và giảm 30% so với năm 2022. Nguyên nhân: Công tác chỉ đạo, giám sát đồng ruộng của cán bộ kỹ thuật còn nhiều hạn chế, thiếu kinh nghiệm, chưa được thường xuyên, chặt chẽ, còn chủ quan, bị động, công đoạn thực hiện qui trình sản xuất còn nhiều bất cập: khâu làm đất chưa kỹ, việc gieo tỉa hạt chưa bám sát, quản lý công nhân sử dụng thuốc thiếu hiệu quả để cỏ nhiều, sâu bệnh xử lý chưa kịp

thời,… Thời tiết khô hạn, cung cấp không đủ lượng nước cho cây nuôi quả nên năng suất, sản lượng thấp.

- Một số kế hoạch chưa thực hiện được và thực hiện chỉ đạt rất thấp: kinh doanh phân bón; thu mua, chế biến kinh doanh cà phê nguyên quả. Nguyên nhân: nguồn vốn kinh doanh còn hạn chế, chưa có phòng kinh doanh tổng hợp riêng biệt chuyên về công tác tìm hiểu thị trường, tìm kếm đối tác cung ứng nguồn hàng phù hợp,…

2. *Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ ***List of the Board of Directors:*** (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ ***List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).***

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	CMND, ngày, nơi cấp	Thường trú	Số cổ phần sở hữu
01	Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT	05/10/1975	001075002541 - 29/09/2014 - Cục CSĐKOL cư trú về dân cư	Xóm 5, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội	0
02	Trịnh Thị Mai Dung	TV HĐQT	10/05/1977	001177043941- 10/07/2021 - Cục CSQLHCVTTXH	Số 8, ngõ 107, phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	0
03	Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	27/12/1990	024090022581 08/12/2021 - Cục CS QLHC về TTXH	Việt Lập, Việt Yên, Bắc Giang	0
04	Nguyễn Anh Tuấn	TV BKS	25/10/1990	014090017897- 18/01/2022 - Cục CS QLHC về	Thị trấn Ít Ong, huyện	0

				TTXH	Mường La, tỉnh Sơn La	
05	Tô Mạnh Hà	TV BKS	10/01/1975	011849622 - 10/07/2008 - CA Hà Nội	Số 9 ngõ 78 Hoàng Như Tiếp, phường Bồ Đề, quận Long Biên, tp Hà Nội	0
06	Lê Văn Một	Giám đốc	12/02/1978	051078012229. Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 08/05/2021	P. Nghĩa Tân, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	176.600
07	Lê Thị Định	Kế toán trưởng	10/6/1985	051185013376 do Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 28/6/2021	TDP 09, TT Đắk Mil, Đắk Mil, Đắk Nông	0
08	Trần Ngọc Nguyên	Phó P. KTNV	28/4/1970	040070023279. Cấp ngày 12/6/2021 Tại Cục CS QLHC về TTXH	TDP.4, TT Đắk Mil, Đắk Mil, Đắk Nông	0
09	Võ Công Quang	Phó P. KTNV	08/08/1965	079065015025. Cấp ngày 13/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	TDP.4 - P.EaTam- TP. BMT - Đăk Lăk	0
10	Phạm Thành Tuấn	Phó Chánh VP		285721125 cấp ngày 14/11/2014 tại CA Bình Phước	261. Trần Phú - P. Thành Công - TP.BMT - Đăk Lăk	0

Những thay đổi trong ban điều hành/ ***Changes in the Board of Management:*** (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm***)/(List the changes in the Board of Management of the year)***.

- Thay đổi lãnh đạo phòng KTNV: Tuyển mới: Ông: Võ Công Quang phụ trách phòng KTNV thay cho Bà :Dương Thị Kim Lợi thôi việc.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./***Number of staffs. Summary and changes of the employee policies***.

Số lượng cán bộ công nhân viên lao động Công ty bình quân năm 2023 là 55 lao động. Thực hiện chính sách chi trả lương và các khoản trích theo lương theo qui định Nhà nước.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự* ***án/Investment activities, project implementation***

a) Các khoản đầu tư lớn/ ***Major investments***: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ ***Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.***

Trong năm 2023, Công ty không có các khoản đầu tư tài chính và dự án .

b) Các công ty con, công ty liên kết/ ***Subsidiaries, associated companies:*** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ ***(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)***.

Công ty chưa có Công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính/ Financial situation:

a) Tình hình tài chính/ ***Financial situation***

Chỉ tiêu/ ***Financial Figure***	**Năm/*Year* 2022**	**Năm/*Year* 2023**	**% tăng giảm/ *% change***
* *Đối với tổ chức không phải* ***là*** *tổ chức tín dụng và tổ chức tài* ***chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:***			
Tổng giá trị tài sản/***Total asset***	19.652.234.810	23.949.323.991	1,22

Doanh thu thuần/***Net revenue***	14.696.076.782	17.872.069.794	1,22
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ ***Profit from operating activities***	1.253.363.249	1.618.604.412	1,29
Lợi nhuận khác/ ***Other profits***	(20.077.740)	(186.516.542)	9,29
Lợi nhuận trước thuế/ ***Profit before tax***	1.233.285.509	1.432.087.870	1,16
Lợi nhuận sau thuế/ ***Profit after tax***	1.233.201.566	1.390.005.887	1,13
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ ***Payout ratio***			
** Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/* ***Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:***			
Tổng giá trị tài sản/ ***Total asset***			
Doanh thu/ ***Revenue***			
Thuế và các khoản phải nộp/***Taxes and payables***			
Lợi nhuận trước thuế/ ***Before tax profit***			
Lợi nhuận sau thuế/***After tax profit***			

- Các chỉ tiêu khác/ ***other figures***: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/***depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years)***.

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ ***Benchmarks***	**Năm/*Year* 2022**	**Năm/*Year* 2023**	**Ghi chú/*Note***

1. *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/* ***Solvency ratio*** + Hệ số thanh toán ngắn hạn/***Current ratio:*** Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ***(Short term Asset/Short term debt)*** + Hệ số thanh toán nhanh/***Quick ratio:*** Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn ***Short term Asset - Inventories*** ***Short term Debt***	9,4 3,4	1,23 0,56	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital ***structure Ratio*** + Hệ số Nợ/Tổng tài sản ***(Debt/Total assets ratio)*** + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ***(Debt/Owners' Equity ratio)***	0 0	0 0	
3. Chỉ tiêu về năng ***l****ực hoạt động/* ***Operation capability Ratio*** + Vòng quay hàng tồn kho/ ***Inventory turnover:*** Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ***(Cost of goods sold/Average inventory)*** Doanh thu thuần/Tổng tài sản ***(Net revenue/ Total Assets)***	2 0,75	2,44 0,75	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh ***l****ời/* ***Target on Profitability*** + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ***(profit after tax/ Net revenue Ratio)*** + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn	0,08	0,08	

chủ sở hữu ***(profit after tax/ total capital Ratio)***	0,07	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ***(profit after tax/ Total assets Ratio)***	0,06	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ***(Operating profit/ Net revenue Ratio)***	0,085	0,09	
…….			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/***For credit institutions and non-bank financial institutions:***

Chỉ tiêu/*Figures*	**Năm/*Year* X-1**	**Năm/*Year* X**	**Ghi chú/*Note***
*1. Quy mô vốn/ Capital sca**le***			
- Vốn điều lệ/ ***Charter Capital***			
- Tổng tài sản có/ ***Total assets***			
- Tỷ lệ an toàn vốn/***Capital adequacy ratio***			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ ***Operating results***			
- Doanh số huy động tiền gửi/ ***Cash deposits***			
- Doanh số cho vay/***Lendings***			
- Doanh số thu nợ/***Debt collection***			
- Nợ quá hạn/ ***Outstanding debts***			
- Nợ khó đòi/***Bad debt***			
- Hệ số sử dụng vốn/ ***Incremental Capital Output Ratio***			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số			

dư bảo lãnh ***(Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)***			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ ***(Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)***			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ ***(Bad debt/Total debt Ratio)***			
3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/***Short term solvency***			
- Khả năng thanh toán chung/ ***General solvency***			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure,* ***change in the owner's equity.***

a) Cổ phần/***Shares***: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/***Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrited the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.***

Tổng số cổ phần: 1.613.690 cổ phần đang lưu hành.

Trong đó: - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.611.690 cổ phần.

- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 2.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông/***Shareholders structure***: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/***Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority***

shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

- Cổ đông cá nhân lớn (07 cổ đông) tỷ lệ: 94,2%.
- Cổ đông cá nhân là CB CNV lao động (12 cổ đông) tỷ lệ: 0,8%.
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Đắk Nông) tỷ lệ: 5,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ ***Change in the owner's equity:*** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ ***Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc:***

Chưa có thay đổi trong kỳ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ ***Transaction of treasury stocks:*** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ ***Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties***

Chưa có giao dịch cổ phiếu quỹ trong kỳ.

e) Các chứng khoán khác/ ***Other securities:*** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/***Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.***

Không có Chứng khoán khác.

6. *Báo cáo tác động* ***l****iên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Repo****rt related impact of the Company on the environment and society***

6.1. *Quản* ***l****ý nguồn nguyên vật* ***l****iệu/Management of raw materia****ls:***

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ ***The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.***

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm nông nghiệp thô, Công ty chỉ nhập nguyên vật liệu như: vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật , ...

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ ***The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.***

Không có

6.2. *Tiêu thụ năng* ***l****ượng/ Energy consumption:*

a)Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ ***Energy consumption - directly and indirectly.***

Công ty là doanh nghiệp nhỏ, lượng năng lượng tiêu thụ không đáng kể. Bao gồm:

+ Xăng ô tô con;

+ Điện sinh hoạt của Trụ sở Công ty; điện phục vụ cho tưới nước sản xuất

+ Nước sinh hoạt tự bơm từ giếng đào.

b)Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ ***Energy savings through initiatives of efficiently using energy.***

Không có.

c)Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ ***The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.***

Không có.

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ ***Water consumption (water consumption of business activities in the year)***

Nước dùng cho hoạt động SXKD: tưới tiêu cà phê và các cây ngắn ngày.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ ***Water supply and amount of water used.***

Lượng nước dùng qua hợp đồng sử dụng nước (thủy lợi phí) với Công ty TNHH MTV QL khai thác các công trình thủy nông tỉnh Đắk Nông, Chi nhánh Đắk Mil.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ ***Percentage and total volume of water recycled and reused.***

Không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on* ***environmental protection:***

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ ***Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.***

Không vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ ***The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.***

Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ ***Number of employees, average wages of workers.***

+ Số lượng lao động bình quân trong năm: 55 lao động.

+ Tiền lương bình quân: 7.000.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ ***Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.***

Tham gia và nộp đủ, đúng, kịp thời các chế độ của người lao động: BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí Công đoàn 2%. Đăng ký khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hàng năm. Trang cấp BHLĐ, trang phục hàng năm; tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định. Chi hỗ trợ phúc lợi xã hội vào các ngày lễ lớn trong năm như: 8/3, 2/9, 20/10, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, v,v... các chế độ hiếu, hỷ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ ***Training employees***

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ ***The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.***

Chưa thực hiện.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ ***The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.***

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on* ***responsibility for local community.***

Trong các dịp lễ, tết như: Lễ Giáng Sinh của Công nhân là ĐBDTTS tại chỗ Công ty thăm hỏi các hộ công nhân là ĐBDTTS và các nhà thờ trên địa bàn.Trong dịp Tết Nguyên đán: tặng quà, thăm hỏi, động viên gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo,….

Công ty đã ủng hộ Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam Xã Thuận An 60 suất quà, trị giá: 400.000 đồng/suất, tổng tiền: 24.000.000đ; ủng hộ Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Mil kinh phí tổ chức bắn pháo hoa nhân dịp đón Tết Nguyên đán : 10.000.000đồng.

Ngoài ra, HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và CĐCS Công ty cũng có gửi quà thăm hỏi, hỗ trợ công nhân lao động khó khăn vào dịp lễ, tết.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ ***The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.***

Công ty chưa đủ điều kiện thực hiện.

6.7.*Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của* ***UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.***

Chưa thực hiện.

Lưu ý/Note: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng* ***khoán****, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may* ***set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).***

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/***The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:***

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ ***General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).***

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sản phẩm nông nghiệp, chủ yếu là cà phê nhân xô và cây bắp giống. Năm 2023 theo Kế hoạch thực hiện về doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được mục tiêu đặt ra: doanh thu chỉ đạt 91% kế hoạch; doanh thu cà phê tăng gần 40% do giá cả cà phê tăng cao và công ty đầu tư xây dựng cơ bản nhiều nên tiêu thụ số lượng cà phê tăng hơn so với năm 2022; doanh thu sản xuất cây ngắng ngày giảm 25% dẫn đến lợi nhuận năm 2023 chỉ đạt 76,75% kế hoạch, đạt 1.432 triệu đồng. Nguyên nhân: năm 2023 Công tác chỉ đạo, giám sát đồng ruộng của cán bộ kỹ thuật còn bị động, thiếu kinh nghiệm, chưa kịp thời,…. Thời tiết khô hạn, cung cấp không đủ lượng nước cho cây nuôi quả nên năng suất, sản lượng thấp.

2.Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ ***Assets***

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động

kinh doanh)/ ***Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)***.

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối Năm	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Tổng tài sản	19.652.234.810	23.949.323.991	4.297.089.181	21,87
Hệ số đầu tư ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,46	0,33	-0,13	-28 ,2
Hệ số đầu tư tài sản cố định = Tài sản cố định / Tổng tài sản	1,07	0,39	-0,68	-63,7
Hệ số đầu tư tài sản ngắn hạn so với tài sản dài hạn = Tài sản ngắn hạn/ Tài sản dài hạn	0,86	0,49	-0,37	-42,7

- Năm 2023 tổng giá trị tài sản tăng 21,87% so với năm 2022; đơn vị giảm đầu tư ngắn hạn tăng đầu tư xây dựng cơ bản: trồng mới 24,8ha cà phê đa thân tưới nhỏ giọt (tổng chi phí đầu tư: 3,5 tỷ đồng), trồng mới 19,04 cà phê truyền thống (tổng CP đầu tư: 1,2 tỷ đồng) và đầu tư một số tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Đối với các khoản nợ phải thu đơn vị thực hiện theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thu hồi kịp thời, đúng hạn không phát sinh khoản nợ xấu.

b) Tình hình nợ phải trả/ ***Liabilities***

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ ***Current debts, major changes of debts.***

- Công ty theo dõi các khoản nợ phải trả chi tiết theo đối tượng, thanh toán nợ kịp thời, đúng hạn theo hợp đồng giao dịch, không phát sinh các khoản nợ phải trả tồn đọng.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ ***Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.***

Không có nợ xấu.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- Sắp xếp lại CBCNV phù hợp với vị trí chuyên môn, bố trí lại diện tích cho người lao động phù hợp hơn; quản lý, chỉ đạo công việc theo nguyên tắc thông qua đầu mối các phòng ban, thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương, cấp dưới phục tùng cấp trên. Sàng lọc CBNVLĐ Công ty thích hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Định hướng trong tương lai công ty tiếp tục tái canh cây cà phê xen cây ăn quả phủ toàn diện tích, thực hiện chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch chất lượng cao, xây dựng các nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, tạo điều kiện phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch tại tỉn nhà nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Kiểm toán chấp nhận toàn phần

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ ***Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).***

Công ty chấp hành nghiêm các quy định về môi trường. Tiêu thụ nước chỉ phục vụ tưới tiêu cà phê và cây ngắn ngày đảm bảo nước phục vụ sản xuất không gây ảnh hưởng nguồn nước xung quanh; không có phát sinh nguồn rác thải gây ô nhiễm môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ ***Review concerning the problems of workers***

Thực hiện đầy đủ các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ ***Review concerning corporate responsibility towards the local community***

Luôn luôn quan tâm đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với địa bàn doanh nghiệp đóng chân, nhất là giải quyết công ăn việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số 02 bon và tặng quà cho con em đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp năm học mới, Tết nguyên đán, Giáng sinh...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá* ***l****iên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/* ***Assessments of the***

Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Công ty đang trong giai đoạn ổn định sản xuất, sắp xếp, định hướng CBCNV làm việc theo mô hình cổ phần, ….Song, Hội đồng quản trị công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo công ty thông qua các Nghị quyết tại cuộc Đại hội cổ đông, Nghị quyết họp theo quý để xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc do Ban điều hành đề xuất, trong đó lưu ý Ban Giám đốc chú trọng đến nghĩa vụ cho người lao động, địa phương; chăm lo cho người lao động công ty thông qua các hình thức hỗ trợ kinh phí chi phí kỳ nghỉ mát của đơn vị; trong sản xuất từng bước thay đổi áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tăng cơ giới hóa trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, nâng cao năng suất cây trồng để đưa công ty ngày càng ổn định, phát triển.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công* ***ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance***

HĐQT đánh giá cao vai trò của Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, mặc dù Công ty đang giai đoạn khó khăn về mọi mặt nhưng với sự nỗ lực, nâng cao vai trò trách nhiệm của Giám đốc Công ty bước đầu mang lại hiệu quả. Năm 2023, tập trung đẩy mạnh công tác bảo vệ đất đai, bảo vệ sản phẩm thu hoạch, cắt giảm chi phí không hợp lý để đảm bảo an toàn vốn cho Công ty, tập trung thực hiện tái canh cây cà phê theo mô hình đa thân tưới nhỏ giọt trong điều kiện nguồn vốn hạn chế, đã hình khối tài sản tăng hàng năm, khẳng định bước đầu kinh doanh có hiệu quả.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ P****lans, orientations of the Board of Directors***

- HĐQT xác định, việc sản xuất trồng và chăm cà phê vẫn là trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của công ty, chú trọng sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn, xây dựng chứng nhận, chỉ dẫn để sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

- HĐQT tăng cường chỉ đạo việc rà soát, kiện toàn công tác quản lý, kiểm soát nội bộ, tăng cường kiểm soát chi phí, bảo vệ đất đai, tổ chức tiến hành trồng cây ngắn ngày để bù đắp các khoản chi trả tiền thuê đất, quản lý doanh nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả hơn trong việc sử dụng vốn.

- Phối hợp cùng Ban điều hành xem xét, cơ cấu lại sản xuất cho phù hợp với thực tế. Giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, từng bước cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/***Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).***

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/***Members and structure of the Board of Directors:*** (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần

có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ ***(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independentand other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).***

TT	Tên TVHĐQT	Giấy ĐKKD/CMND	Ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
1	Nguyễn Ngọc Nghị	001075002541	Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và quản lý quốc gia về dân cư cấp ngày 29/9/2014	Xóm 5 - xã Ninh Hiệp - Gia Lâm - Hà Nội
2	Lê Văn Một	051078012229	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/5/2021	TDP.2 – Đường Nguyễn Tất Thành – P. Nghĩa Tân – TP. Gia Ngĩa
3	Trịnh Thị Mai Dung	001177043941	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Cấp ngày 10/7/2021	Số 8, ngõ 107, phố Long Biên 1, P. Ngoc Lâm

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/***The committees of the Board of Director:*** (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/***Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee)***.

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/***Activities of the Board of Directors:*** đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/***Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.***

- Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 01 quý họp 01 lần. Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 08 cuộc họp nhằm kiểm tra tình hình thực hiện và đưa ra các mục tiêu, biện pháp làm cơ sở cho Giám đốc thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ đề ra. Hội

đồng quản trị đã tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024 công ty CP Cà phê Thuận An; thống nhất chọn đơn vị kiểm toán; thống nhất chủ trương mua hệ thống chế biến ướt công suất 3 tấn/giờ, đầu tư 800 m^2 nhà màng phục vụ phơi sấy cà phê chất lượng cao; cho ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức - Hoạt động; Quy chế Tiền lương, thưởng, phúc lợi; Quy chế Khen thưởng - Kỷ luật của Công ty, Quy định vị trí việc làm và công tác bổ nhiệm Trưởng phòng KT-NV Công ty,…

- Ngoài các cuộc họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề có liên quan đến các định hướng về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty;

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty:

Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty. Bên cạnh thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ/cuộc họp đột xuất của Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Giám đốc để đưa ra các quyết định, chính sách nhằm đạt được những kế hoạch kinh doanh đề ra, cũng như kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

Trong năm 2023, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt, trên tinh thần tiết kiệm hiệu quả, nhất là cắt giảm các chi phí quản lý doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ với người lao động, không để chậm lượng, nợ bảo hiểm, nợ thuế nhà nước mặc dù với một năm kinh tế khó khăn, thời tiết, thiên tai diễn biến bất thường; giá cả thị trường cà phê xuống thấp trong năm;

- Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT.

➢ Kết quả chỉ đạo thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

- ***Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023*****:** Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán và số liệu theo Báo cáo của Giám đốc, số liệu và báo cáo của Ban Kiểm soát.

Theo kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 14 tháng 4 năm 2023 phê duyệt, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2023 không đạt các chỉ tiêu kế hoạch dược giao. Do doanh thu chỉ đạt 91% kế hoạch; doanh thu cà phê tăng gần 40% do giá cả cà phê tăng cao và công ty đầu tư xây dựng cơ bản nhiều nên tiêu thụ số lượng cà phê tăng hơn so với năm 2022; doanh thu sản xuất cây ngắng ngày giảm 25% dẫn đến lợi nhuận năm 2023 chỉ đạt 76,75% kế hoạch, đạt 1.432 triệu đồng.

➢ *HĐQT đã chỉ đạo trích lập các Quỹ theo phê duyệt của ĐHĐCĐ và thực hiện chi trả cổ tức năm 2022*: thời gian chi trả cổ tức ngày 28/03/2024, tỷ lệ chi trả 12,8% (01 cổ phiếu nhận được 1.280 đồng).

➢ ***Lựa chọn đơn vị kiểm*** *toán báo cáo tài chính năm 2023*

Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán do Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty.

Kết quả: Công ty Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt đã hoàn tất thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 kịp thời, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty và công bố thông tin đúng quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/***Activities of independent members of the Board of Directors.*** Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ ***Activities of the committees of the Board of Directors:*** (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ ***assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings)***.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/***List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate gorvenance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.***

Các thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

2. *Ban Kiểm soá****t/ Board of Supervisors***

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/***Members and structure of the Board of Supervisors:*** (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ ***list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company)***.

Ban Kiểm soát:	
Ông: Ngô Hồng Minh	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Anh Tuấn	TV. Ban kiểm soát
Ông: Tô Mạnh Hà	TV. Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát không sở hữu cổ phần Công ty.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/***Activities of the Board of Supervisors:*** (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/***Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings)***.

- Kể từ khi diễn ra Đại hội cổ đông thường niên 2023 ngày 14/4/2023 đến ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, Ban kiểm soát Công ty đã họp 02 phiên để triển khai các chức năng, nhiệm vụ của Ban, ngoài ra các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thống nhất qua điện thoại và e-mail. Nội dung các phiên họp của Ban Kiểm soát đều được các thành viên thống nhất thông qua.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

- Phối hợp với Ban điều hành trong công việc giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và giám sát tài chính;

- Thẩm định báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3.*Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of* ***Directors, Board of Management and Board of Supervisors***

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/***Salary, rewards, remuneration and benefits:*** (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/***Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently)***.

Thù lao HĐQT, BKS năm 2023:

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)
1/	**Hội đồng quản trị:**		**116.000.000**
-	Ông: Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
-	Ông: Lê Văn Một	TV. HĐQT	24.000.000
-	Bà: Trịnh THị Mai Dung	TV. HĐQT	24.000.000
2/	**Ban Kiểm soát:**		**54.000.000**
-	Ông: Ngô Hồng Minh	Trưởng ban	22.000.000
-	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	TV. Ban kiểm soát	16.000.000
-	Ông:Tô Mạnh Hà	TV. Ban Kiểm soát	16.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ ***Transactions of internal shareholders:*** (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/***Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).***

Trong năm tài chính không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ ***Contracts or transactions with internal shareholders:*** (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/***Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.***

Trong năm tài chính không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ ***Implementation of regulations on corporate governance:*** (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/***Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance)***.

Thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. *Ý kiến kiểm toán/Auditor's* ***opinions***

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited* ***financial statements*** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/***Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explaination. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).***

BCTC ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN 2023 ·

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6000173846 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
H. ĐẮK MIL - T. ĐẮK NÔNG

Lê Văn Một